

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II.NĂM 2018

(Từ 01/04/2018 đến 30/06/2018)

Gồm các biểu:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh BCTC



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>776 003 203 082</b>	<b>856 978 216 320</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>558 023 504</b>	<b>1 240 110 667</b>
1. Tiền	111	V.01	558 023 504	1 240 110 667
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*) (2)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
3A. Tiền gửi có kỳ hạn	123A			
3B. Đầu tư ngắn hạn khác	123B			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>739 549 767 603</b>	<b>819 900 688 217</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		236 587 334 477	331 913 337 827
2. Trả trước cho người bán	132		355 082 655 675	355 107 572 939
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.03	41 207 500 000	26 207 500 000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	107 494 807 113	107 494 807 113
- Các khoản phải thu khác từ cổ phần hóa	136A	V.03		
- Các khoản phải thu từ cán bộ công nhân	136B		103 022 594 613	103 022 594 613
- Các khoản phải thu khác	136D		4 472 212 500	4 472 212 500
- Các khoản phải thu khác từ ký quỹ, ký cược	136C			
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		- 822 529 662	- 822 529 662
8. Tài sản thiế chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20 145 605 737</b>	<b>20 142 686 924</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	20 145 605 737	20 142 686 924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15 749 806 238</b>	<b>15 694 730 512</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15 749 806 238	15 694 730 512
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>417 371 877 070</b>	<b>417 371 877 070</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>146 000 000</b>	<b>146 000 000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	V.06		
5. Phải thu cho vay dài hạn	215	V.06		
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	146 000 000	146 000 000
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>113 588 281 127</b>	<b>113 588 281 127</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	8 236 081 127	8 236 081 127
- Nguyên giá	222		16 458 286 843	16 458 286 843
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 8 222 205 716	- 8 222 205 716
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	105 352 200 000	105 352 200 000
- Nguyên giá	228		105 352 200 000	105 352 200 000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	231			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>203 737 595 943</b>	<b>203 737 595 943</b>
<b>1. CP sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>241</b>			
<b>2. CP xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>242</b>		<b>203 737 595 943</b>	<b>203 737 595 943</b>
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>99 900 000 000</b>	<b>99 900 000 000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13		
6. Đầu tư tài chính dài hạn khác	256	V.13	99 900 000 000	99 900 000 000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263			
- Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263A	V.21		
- Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	263B			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1 193 375 080 152</b>	<b>1 274 350 093 390</b>
<b>A. Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>196 647 611 845</b>	<b>278 606 941 485</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>196 647 611 845</b>	<b>278 606 941 485</b>
1. Phải trả người bán	311		152 866 920 193	228 210 754 283
2. Người mua trả tiền trước	312		30 517 917 214	30 517 917 214
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	13 132 214 786	12 783 251 275
4. Phải trả người lao động	314		70 000 000	240 600 000
5. Chi phí phải trả	315	V.17		
6. Phải trả nội bộ	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18		
10. Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	320			6 793 859 061
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		60 559 652	60 559 652
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn khác	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.21		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>996 727 468 307</b>	<b>995 743 151 905</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>996 727 468 307</b>	<b>995 743 151 905</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		934 273 600 000	934 273 600 000
A. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		934 273 600 000	934 273 600 000
B. Cổ phiếu ưu đãi	411B			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Khu phố 11, phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý II năm 2018

CHỈ TIÊU	MCT	Thuyết minh	Quý II Năm 2018	Quý II Năm 2017	Lũy kế năm 2018	Lũy Kế Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	4,035,150,000	102,857,348,180	34,761,968,650	135,206,521,680
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			0	-	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>4,035,150,000</b>	<b>102,857,348,180</b>	<b>34,761,968,650</b>	<b>135,206,521,680</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	3,710,737,170	101,608,144,500	32,200,237,117	133,260,888,000
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>324,412,830</b>	<b>1,249,203,680</b>	<b>2,561,731,533</b>	<b>1,945,633,680</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	4,228	1,525,008,456	8,016	1,525,009,212
7. Chi phí hoạt động tài chính	22				-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				-	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24				-	
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8.b			318,000,000	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	735,954,703	195,978,910	910,459,636	559,914,246
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ((30=20+(21-22)-24(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(411,537,645)</b>	<b>2,578,233,226</b>	<b>1,333,279,913</b>	<b>2,910,728,646</b>
12. Thu nhập khác	31				-	
13. Chi phí khác	32				-	
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>			<b>0</b>	<b>-</b>	<b>0</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(411,537,645)</b>	<b>2,578,233,226</b>	<b>1,333,279,913</b>	<b>2,910,728,646</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			515,646,645	348,963,511	582,145,729

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849 189 834	849 189 834
9. Quỹ dự hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283 063 278	283 063 278
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		57 093 896 046	56 109 579 644
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			4 227 719 149	4 227 719 149
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	432			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1 193 375 080 152</b>	<b>1 274 350 093 390</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

*Nguyen Thi Tuyet*

*Nguyễn Thị Tuyết*

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

*Tran Lien Cuong*

Bình Thuận, ngày .... tháng .... năm 2018



*Phạm Thị Hinh*

17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(411,537,645)</b>	<b>2,062,586,581</b>	<b>984,316,402</b>	<b>2,328,582,917</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Bình Thuận, ngày 20 tháng 07 năm 2018

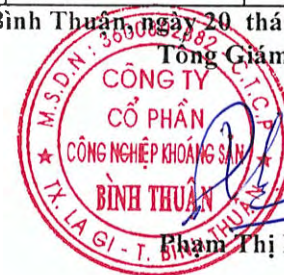
Người lập

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường

Tổng Giám Đốc



Phạm Thị Hinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II/2018

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	M.Số	Thuyết Minh	Năm Nay	Năm Trước
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		130,087,972,000	81,974,950,000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(108,125,665,756)	(89,294,650,000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(860,600,000)	(40,189,000,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Thuế TNDN đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56,108,016	575,009,212
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46,042,362)	(122,386,600)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21,111,771,898</b>	<b>(47,056,077,388)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21			
khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(1,700,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15,000,000,000)</b>	<b>(1,700,000,000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của các DN đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		96,217,160,000	10,336,531,021
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(103,011,019,061)	(2,746,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6,793,859,061)</b>	<b>7,590,531,021</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(682,087,163)</b>	<b>(41,165,546,367)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,240,110,667	41,432,119,189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>558,023,504</b>	<b>266,572,822</b>

Người lập



Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán Trưởng



Trần Kiên Cường

Tổng Giám Đốc



Phạm Thị Hinh



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý II/2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Kinh doanh kim loại và các loại quặng kim loại, thiết bị máy móc.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
1	Công ty TNHH năng lượng xanh KSA	Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	87.93%
2	Công ty TNHH MTV công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%
3	Công ty TNHH MTV chế biến Zircon Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thăng Hải), Xã Thăng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	100%

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty Cổ phần công nghiệp khoáng sản Bình Thuận (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con sẽ được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<b><u>Tài sản cố định</u></b>	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

### **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### **13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

### **16. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### *Công cụ tài chính phức hợp*

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## **18. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	433.700.101	1.118.928.253
Tiền gửi ngân hàng	124.323.403	121.182.414
<b>Cộng</b>	<b><u>558.023.504</u></b>	<b><u>1.240.110.667</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần khoáng sản và VLXD Gia Lai	40.145.599.045	40.145.599.045
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	0	0
Công ty cổ phần khoáng sản luyện kim màu	135.107.200	135.107.200
Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình	3.584	3.584
DNTN Nguyễn Thành Giang	25.332.230.000	25.332.230.000
Công ty TNHH Tư vấn – Thiết kế - Xây dựng Phú Hòa	920.582	920.582
Công ty TNHH thép Việt Long	34.925.957.536	34.925.957.536
Công ty TNHH MTV chế biến cát Bình Thuận	341.550.000	341.550.000
Công Ty Hữu Hạn Mậu Dịch Bảo Hồng Bằng Tường Quảng Tây	36.194.184.900	36.194.184.900
Công ty TNHH Công Bình	34.761.968.650	118.940.972.000
Công ty TNHH TM- XD Đại Thắng Hồ Chí Minh	47.149.000.000	58.296.000.000
Các khách hàng khác	17.600.812.980	17.600.812.980
<b>Cộng</b>	<b><u>236.587.334.477</u></b>	<b><u>331.913.337.827</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	61.650.000.000	61.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	45.105.786.000	45.105.786.000
Công ty TNHH Hạnh Vân	60.980.000.000	60.980.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	142.080.000.000	142.080.000.000
Các nhà cung cấp khác	45.266.869.675	45.291.786.939
<b>Cộng</b>	<b><u>355.082.655.675</u></b>	<b><u>355.107.572.939</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Bà Nguyễn Thị Mai	9.285.000.000	9.285.000.000
Cho Ông Nguyễn Lê Thành Trí	0	0
Cho Ông Trần Quốc Bình	8.000.000.000	8.000.000.000
Các Đối tượng khác	23.922.500.000	8.922.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>41.207.500.000</u></b>	<b><u>26.207.500.000</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Bà Phạm Thị Hằng - Phải thu về tạm ứng	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Ông Phạm Xuân Ái - Phải thu về tạm ứng	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Ông Trần Anh Tú - Phải thu về tạm ứng	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	0	-	0	-
Tạm ứng các đối tượng khác	0	-	0	-
Phải thu khác	4.494.807.113	-	4.494.807.113	-
<b>Cộng</b>	<b><u>107.494.807.113</u></b>		<b><u>107.494.807.113</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	-	900.000.000	-
Hàng hóa	19.245.650.737	-	19.245.327.907	-
<b>Cộng</b>	<b>20.145.650.737</b>	<b>-</b>	<b>20.145.327.907</b>	<b>-</b>

**7. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ dài hạn	146.000.000	146.000.000
<b>Cộng</b>	<b>146.000.000</b>	<b>146.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	7.969.338.946	1.987.526.882	6.029.666.723	412.863.242	58.891.050	16.458.286.843
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.969.338.946</b>	<b>1.987.526.882</b>	<b>6.029.666.723</b>	<b>412.863.242</b>	<b>58.891.050</b>	<b>16.458.286.843</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	4.624.636.632	1.873.953.081	1.251.861.711	381.287.728	58.891.050	8.222.205.716
Tăng do trích khấu hao	324.950.683	122.441.368	53.105.117	52.060.750	-	584.133.432
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.624.636.632</b>	<b>1.873.953.081</b>	<b>1.251.861.711</b>	<b>381.287.728</b>	<b>58.891.050</b>	<b>8.222.205.716</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	3.669.652.997	145.149.315	4.830.910.129	83.636.264	-	8.729.348.705
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.344.702.314</b>	<b>22.707.947</b>	<b>4.777.805.012</b>	<b>31.575.514</b>	<b>-</b>	<b>8.236.081.127</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất thừa số 371 tờ bản đồ số 90 có diện tích 105,930 m<sup>2</sup> tại Xã Hải Thắng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận.

#### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thép Việt Nga	34.821.503.483	34.821.503.483
Công ty hữu hạn công nghệ Hoa Điện	19.251.124.980	115.445.888.000
Các nhà cung cấp khác	98.794.291.730	77.943.362.800
<b>Cộng</b>	<b><u>152.866.920.193</u></b>	<b><u>228.210.754.283</u></b>

#### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	-	-
Công ty cổ phần khai thác và chế biến khoáng sản Yên Bái	4.517.917.194	4.517.917.194
Công ty TNHH Hoàng Thiên	0	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	10.000.000.000	10.000.000.000
Các đối tượng khác	16.000.000.020	16.000.000.020
<b>Cộng</b>	<b><u>30.517.917.214</u></b>	<b><u>30.517.917.214</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.679.871.134	-	348.963.511		12.028.834.645	-
Thuế thu nhập cá nhân	963.856.382	-			963.856.382	-
Các loại thuế khác	139.523.759	-			139.523.759	-
<b>Cộng</b>	<b>12.783.251.275</b>	<b>-</b>			<b>13.132.214.786</b>	<b>-</b>

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%

##### *Các loại thuế khác*

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Vay và nợ thuê tài chính	6.793.859.061	96.217.160.000	103.011.019.061
<b>Cộng</b>	<b>6.793.859.061</b>			<b>0</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	934.273.600.000	849.189.834	283.063.278	44.492.518.783	4.792.528.736	984.690.900.631
Tăng vốn bằng tiền		-	-	-	-	
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	11.617.060.861	(564.809.587)	11.052.251.274
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>934.273.600.000</b>	<b>849.189.834</b>	<b>283.063.278</b>	<b>56.109.579.644</b>	<b>4.227.719.149</b>	<b>995.743.151.905</b>
Số dư đầu năm nay	934.273.600.000	849.189.834	283.063.278	56.109.579.644	4.227.719.149	995.743.151.905
Tăng khác		-	-	-	-	
Lợi nhuận trong năm nay		-	-	984.316.402		984.316.402
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>934.273.600.000</b>	<b>849.189.834</b>	<b>283.063.278</b>	<b>57.093.896.046</b>	<b>4.227.719.149</b>	<b>996.727.468.307</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN**

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
Doanh thu bán hàng hóa	4.035.150.000	102.857.348.180
<b>Cộng</b>	<b><u>4.035.150.000</u></b>	<b><u>102.857.348.180</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.710.737.170	101.608.144.500
<b>Cộng</b>	<b><u>3.710.737.170</u></b>	<b><u>101.608.144.500</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.228	1.525.008.456
<b>Cộng</b>	<b><u>4.228</u></b>	<b><u>1.525.008.456</u></b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(411.537.645)</b>	2.578.233.226
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>0</b>	<b>515.636.645</b>

### 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý II/2018</u>	<u>Quý II/2017</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>(411.537.645)</b>	2.062.586.581
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>(411.537.645)</b>	2.062.586.581
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	93.427.360	93.427.360
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.4)</b>	<b>22.07</b>

Lập ngày tháng năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Kiên Cường



Phạm Thị Hinh



